TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG SƠN** **TỈNH HÀ TĨNH** Số: 13/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hương Sơn, ngày 09 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1994. Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Chổ ở hiện tại: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm: 1988. Nơi ĐKHKTT và cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Địa chỉ: Số 2, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Toàn V; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh T.

+ Ngân hàng chính sách xã hội V.

Địa chỉ: Số 169, Phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Thái B; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Bà Thái Thị Q, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ông Lê C, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Hồ Thị H, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Thôn, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147; Điều 212, 213, 217, 218 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58; khoản 1 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T1 ngày 02 tháng 6 năm 2023;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T1, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đức T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ con chung:* Chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đức T1 thống nhất chị T và anh T1 có 02 người con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 21/10/2014, cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 14/8/2020. Chị Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, anh Nguyễn Đức T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo C đến 18 tuổi. Chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đức T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Đức T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng do anh Nguyễn Đức T1 có đơn rút yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, ông Nguyễn Đức D, bà Thái Thị Q, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T, ông Lê C, bà Hồ Thị H đồng ý.

- *Về án phí:* Chị Lê Thị Ngọc T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006377, ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho anh Nguyễn Đức T1 số tiền 32.025.000 đồng án phí chia tài sản theo biên lai thu tiền số 0006410 ngày 13/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về hậu quả pháp lý của việc đình chỉ yêu cầu phản tố: anh Nguyễn Đức T1 có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án *"Yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung"* theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- UBNND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Dung

.